

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bố Trạch, ngày 24 tháng 8 năm 2018

Số: 133/2018/QĐST - HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 112/2018/TLST - HNGĐ, ngày 28 tháng 5 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1964; Trú tại: Thôn 6, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn M, sinh năm 1965; Trú tại: Thôn 6, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành được lập ngày 16 tháng 8 năm 2018, về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án,

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành được lập ngày 16 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị X và ông Phạm Văn M.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* *Về con chung*: Các con đã trưởng thành.

* *Về tài sản chung*: Các đương sự thống nhất số lượng tài sản và thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng, cụ thể như sau:

Giao cho bà Nguyễn Thị X có quyền sở hữu và sử dụng số tài sản sau:

- Thửa đất số 880, tờ bản đồ số 12, diện tích 456m² tại xã Lý Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình trị giá 24.156.000đ (trong đó đất ở trị giá 16.200.000đ, đất trồng cây hàng năm khác 7.956.000đ).

- Thửa đất số 875, tờ bản đồ số 12, diện tích 456m² tại xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình trị giá 24.156.000đ (trong đó đất ở trị giá 16.200.000đ, đất trồng cây

hàng năm khác 7.956.000đ). Tất cả các thửa đất này đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đều mang tên ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị X.

- Diện tích đất trồng màu số thửa 801, tờ bản đồ số 11, xứ đồng C, diện tích 2.302m² tại xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình (Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) trị giá 9.000.000đ.

Đồng thời được nhận số tiền chênh lệch tài sản từ ông Phạm Văn M giao là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) còn toàn bộ tài sản còn lại giao cho ông M có quyền sở hữu và sử dụng. Tổng trị giá tài sản bà Nguyễn Thị X được hưởng là 357.312.000đ (ba trăm năm mươi bảy triệu, ba trăm mười hai ngàn đồng).

Giao cho ông Phạm Văn M có quyền sở hữu và sử dụng số tài sản sau:

- Một ngôi nhà xây cấp 4 diện tích khoảng 170 m², tại Thôn 6, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình có trị giá 595.288.000đ (năm trăm chín mươi lăm triệu, hai trăm tám mươi tám ngàn đồng).

- 01 xe máy hiệu Future số máy 1013480, số khung 005841, BKS 73F1 – 127.61 đăng ký ngày 07/5/2013 mang tên bà Nguyễn Thị X trị giá 16.000.000đ và 01 xe máy Honda Drim đăng ký mang tên Phạm Văn M trị giá 4.000.000đ.

- 01 Tivi hiệu Sony trị giá 300.000đ.

- 01 tủ lạnh 500.000đ.

- 01 bộ bàn ghế Salon trị giá 30.000.000đ.

- 01 máy giặt trị giá 3.000.000đ.

- 01 máy lọc nước trị giá 4.300.000đ.

- Thửa đất số 876, tờ bản đồ số 12, diện tích 456m² tại xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình trị giá 24.156.000đ (trong đó đất ở trị giá 16.200.000đ, đất trồng cây hàng năm khác 7.956.000đ).

- Thửa đất số 877, tờ bản đồ số 12, diện tích 3618m² tại xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình trị giá 106.368.000đ (trong đó đất ở trị giá 16.200.000đ, đất trồng cây hàng năm khác trị giá 90.168.000đ). Tổng trị giá tài sản 783.912.000đ.

Ông Phạm Văn M có nghĩa vụ giao tiền chênh lệch tài sản cho bà Nguyễn Thị X là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng). Như vậy ông Phạm Văn M được hưởng trị giá tài sản là 483.912.000đ (bốn trăm tám mươi ba triệu, chín trăm mười hai ngàn đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm thực hiện việc trả tiền thì phải chịu hậu quả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tính trên số tiền chưa thi hành tương ứng với thời gian chậm trả để trả cho người được thi hành án.

* *Về án phí:* Áp dụng khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

- Về án phí ly hôn: Bà Nguyễn Thị X thoả thuận chịu 150.000đ án phí ly hôn.

- Về án phí chia tài sản: Mỗi đương sự phải chịu 50% án phí chia tài sản, cụ thể:

+ Bà Nguyễn Thị X phải chịu $[357.312.000đ \times 5\%] : 50\% = 8.932.800đ$ (Tám triệu, chín trăm ba mươi hai ngàn, tám trăm đồng). Tổng số tiền án phí bà X phải chịu là 9.082.800đ (Chín triệu, không trăm tám mươi hai ngàn, tám trăm đồng) nhưng được trừ vào số tiền 2.800.000đ (hai triệu, tám trăm ngàn đồng) bà X đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0002820 ngày 28/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bồ Trạch. Số tiền án phí còn thiếu bà X phải nộp tiếp.

+ Ông Phạm Văn M phải chịu $[20.000.000đ + (83.912.000 \times 4\%)] : 50\% = 11.678.240đ$ (Mười một triệu, sáu trăm bảy mươi tám ngàn, hai trăm bốn mươi đồng). Tổng số tiền án phí ông Minh phải chịu 11.678.240đ (Mười một triệu, sáu trăm bảy mươi tám ngàn, hai trăm bốn mươi đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAQB;
- VKSND huyện Bồ Trạch (2 bản);
- Chi cục THADS huyện Bồ Trạch;
- Hai đương sự (2 bản);
- UBND xã L;
- Lưu HSVA;
- Lưu AV.

THẨM PHÁN

Nguyễn Phú Quảng